

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ APAX HOLDINGS

Địa chỉ: Tầng 4, tòa tháp A, tòa nhà Sky City Tower, số 88 Láng Hạ, Đống Đa, Hà Nội

BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần đầu tư Apax Holdings (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán từ 01/01/2022 đến 30/06/2022.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần đầu tư Apax Holdings được thành lập theo quyết định của Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội, Theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần số 0105824156 đăng ký lần đầu ngày 19 tháng 03 năm 2012, đăng ký thay đổi lần thứ 14 vào ngày 07 tháng 07 năm 2022.

Địa chỉ trụ sở chính của Công ty tại: Tầng 4, tòa tháp A, tòa nhà Sky City Tower, số 88 Láng Hạ, Đống Đa, Hà Nội, Việt Nam.

Vốn điều lệ của Công ty: 831.506.610.000 đồng (Tám trăm ba mươi một tỷ, năm trăm lẻ sáu triệu, sáu trăm mười nghìn đồng).

Mệnh giá cổ phần là 10.000 đ/cp, tương đương 83.150.661 cổ phần.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT, BAN ĐIỀU HÀNH

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Nguyễn Ngọc Thủy	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 23/03/2022
Ông Nguyễn Ngọc Khánh	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 16/03/2022
Ông Nguyễn Trọng Quỳnh	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 16/03/2022
Ông Quách Mạnh Hào	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 16/03/2022
Ông Nguyễn Minh Chính	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 16/03/2022
Ông Sang Ho Jung	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 16/03/2022

Các thành viên của Ban Điều hành, lãnh đạo quản lý đã điều hành công ty trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Travis Richard Stewart	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 23/03/2022
Ông Nguyễn Hoàng Lương	Giám đốc tài chính	
Ông Nguyễn Mạnh Phú	Kế toán trưởng	

Các thành viên của Ban Kiểm soát trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Bà Phạm Thị Thanh Thọ	Trưởng ban kiểm soát	Bổ nhiệm ngày 23/03/2022
Bà Nguyễn Thị Thanh Huyền	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 16/03/2022
Bà Trần Thị Mỹ Nga	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 16/03/2022
Bà Phạm Thị Diệp	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 16/03/2022

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN ĐIỀU HÀNH ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Điều hành và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính riêng hay không;
- Lập Báo cáo tài chính riêng trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các số kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài Chính riêng tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 30 tháng 06 năm 2022, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán từ 01/01/2022 đến 30/06/2022, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Cam kết khác

Ban Điều hành cam kết rằng Công ty tuân thủ Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 hướng dẫn về quản trị Công ty áp dụng đối với Công ty đại chúng và Công ty không vi phạm nghĩa vụ Công bố thông tin theo quy định tại Thông tư 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài Chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

Hà Nội, ngày 01 tháng 08 năm 2022

TM. Ban Điều hành
Chủ tịch HĐQT

Nguyễn Ngọc Thủy

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG
Tại ngày 30 tháng 06 năm 2022

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Đơn vị tính: VND Số đầu năm
100	TÀI SẢN NGẮN HẠN		135,820,156,625	85,802,913,233
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	3	41,073,882,816	5,532,235,854
111	1. Tiền		41,073,882,816	5,532,235,854
112	2. Các khoản tương đương tiền		-	-
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		94,613,299,813	80,270,677,379
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	15,829,840,800	-
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	6	2,729,358,163	2,420,700,222
135	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	7	-	535,000,000
136	4. Phải thu ngắn hạn khác	8	76,054,100,850	77,314,977,157
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		132,973,996	-
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	11	71,287,015	-
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		-	-
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước		61,686,981	-
200	TÀI SẢN DÀI HẠN		1,913,193,487,848	1,907,889,026,631
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		-	-
220	II. Tài sản cố định		419,476,684	459,840,220
221	1. Tài sản cố định hữu hình	10	419,476,684	459,840,220
222	- Nguyên giá		1,171,961,670	1,139,016,215
223	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)		(752,484,986)	(679,175,995)
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn	9	5,384,071,705	-
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		5,384,071,705	-
250	V. Đầu tư tài chính dài hạn	4	1,905,321,976,301	1,906,170,375,367
251	1. Đầu tư vào công ty con		1,728,810,760,000	1,734,082,260,000
252	2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết		178,000,000,000	190,000,000,000
253	3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		239,100,000	239,100,000
254	4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn (*)		(1,727,883,699)	(18,150,984,633)
255	5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		-	-
260	VI. Tài sản dài hạn khác		2,067,963,158	1,258,811,044
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	11	2,067,963,158	1,258,811,044
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		2,049,013,644,473	1,993,691,939,864

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG
Tại ngày 30 tháng 06 năm 2022
(Tiếp theo)

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Đơn vị tính: VND Số đầu năm
300	NỢ PHẢI TRẢ		818,542,420,240	793,993,861,934
310	I. Nợ ngắn hạn		106,731,139,830	82,336,390,712
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	13	3,249,644,424	15,777,782,494
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	14	-	50,000,000
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	15	40,138,839,623	43,325,199,916
314	4. Phải trả người lao động		3,363,439,024	1,358,487,152
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	16	27,236,089,914	12,080,773,450
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	17	5,524,753,845	1,305,047,700
320	7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	12	27,218,373,000	8,439,100,000
330	II. Nợ dài hạn		711,811,280,410	711,657,471,222
338	1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	12	711,811,280,410	711,657,471,222
400	VỐN CHỦ SỞ HỮU		1,230,471,224,233	1,199,698,077,930
410	I. Vốn chủ sở hữu	18	1,230,471,224,233	1,199,698,077,930
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		831,506,610,000	831,506,610,000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		831,506,610,000	831,506,610,000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		15,335,740,000	15,335,740,000
421	3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		383,628,874,233	352,855,727,930
421a	- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước		352,855,727,930	190,312,674,005
421b	- LNST chưa phân phối kỳ này		30,773,146,303	162,543,053,925
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		2,049,013,644,473	1,993,691,939,864

Hà Nội, ngày 01 tháng 08 năm 2022

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Chủ tịch Hội đồng quản trị

Nguyễn Thị Hải

Nguyễn Mạnh Phú

Nguyễn Ngọc Thùy

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ APAX HOLDINGS

Tầng 4, tòa tháp A, tòa nhà Sky City Tower, số 88 Láng Hạ, Đống Đa, Hà Nội

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022

BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH RIÊNG

6 tháng đầu năm 2022

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
			Lấy kể 6 tháng đầu năm 2022	Lấy kể 6 tháng đầu năm 2021
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	19	29,884,556,296	2,731,077,273
02	2. Các khoản giảm trừ	20	-	-
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 - 01 - 02)		29,884,556,296	2,731,077,273
11	4. Giá vốn hàng bán	21	19,170,515,316	910,338,632
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)		10,533,040,980	1,820,738,641
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	22	3,300,103,909	80,830,085,703
22	7. Chi phí tài chính	23	(1,570,974,835)	26,384,622,467
23	- Trong đó: Chi phí lãi vay			33,935,907,949
26	8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	24	(590,745,110)	2,988,389,782
30	9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (24 + 25)}		15,994,864,834	53,277,812,095
31	10. Thu nhập khác	25	10,132,500	10,132,500
32	11. Chi phí khác	26	108,686,736	108,686,736
40	12. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)		(98,554,236)	(1,186,617,384)
50	13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)		15,896,310,598	52,091,194,711
51	14. Chi phí thuế TNDN hiện hành	27	3,200,999,467	9,058,842,397
60	15. Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52)		12,695,311,131	43,032,352,314

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Hà Nội, ngày 01 tháng 08 năm 2022

Chủ tịch Hội đồng quản trị

Nguyễn Thị Hải

Nguyễn Mạnh Phú

Nguyễn Ngọc Thùy

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG

Phương pháp gián tiếp
6 tháng đầu năm 2022

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Kỳ này	Kỳ trước
	I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh		
01	1. Lợi nhuận trước thuế	38,493,604,563	42,029,728,603
	2. Điều chỉnh cho các khoản	(21,715,431,585)	(45,222,944,058)
02	- Khấu hao tài sản cố định	73,308,991	92,810,850
03	- Các khoản dự phòng	(16,423,100,934)	7,318,348,647
05	- (Lãi)/lỗ từ hoạt động đầu tư	(39,301,547,591)	(87,496,888,336)
06	- Chi phí lãi vay	33,935,907,949	34,862,784,781
08	3. Lợi nhuận/(lỗ) từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	16,778,172,978	(3,193,215,455)
09	- (Tăng)/giảm các khoản phải thu	(15,420,848,154)	92,014,067,733
11	- Tăng/(giảm) các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)	(1,455,586,025)	2,568,325,054
12	- (Tăng)/giảm chi phí trả trước	(880,439,129)	(217,931,092)
14	- Tiền lãi vay đã trả	(22,924,900,621)	(15,355,947,596)
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	(11,660,403,445)	(3,159,526,989)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	(35,564,004,396)	72,655,771,655
	II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư		
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	(5,417,017,160)	
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	535,000,000	
25	5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	(20,228,500,000)	(200,713,400,308)
26	6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	76,800,000,000	40,800,000,000
27	7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	483,086,330	57,495,340,790
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	52,172,569,170	(102,418,059,518)
	III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính		
33	3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	62,704,865,188	29,925,100,000
34	4. Tiền chi trả nợ gốc vay	(43,771,783,000)	-
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	18,933,082,188	29,925,100,000
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	35,541,646,962	162,812,137
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm	5,532,235,854	1,521,951,763
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	41,073,882,816	1,684,763,900

Hà Nội, ngày 01 tháng 08 năm 2022

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Chủ tịch Hội đồng quản trị

Nguyễn Thị Hải

Nguyễn Mạnh Phú

Nguyễn Ngọc Thủy

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán từ 01/01/2022 đến 30/06/2022

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ)

ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần đầu tư Apax Holdings được thành lập theo quyết định của Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội. Theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần số 0105824156 đăng ký lần đầu ngày 19 tháng 03 năm 2012, đăng ký thay đổi lần thứ 14 vào ngày 07 tháng 07 năm 2022.

Địa chỉ trụ sở chính của Công ty tại: Tầng 4, tòa tháp A, tòa nhà Sky City Tower, số 88 Láng Hạ, Đống Đa, Hà Nội, Việt Nam.

Vốn điều lệ của Công ty: 831.506.610.000 đồng (Tám trăm ba mươi một tỷ, năm trăm lẻ sáu triệu, sáu trăm mười nghìn đồng).

Mệnh giá cổ phần là 10.000 đ/cp, tương đương 83.150.661 cổ phần.

Lĩnh vực kinh doanh

Công ty hoạt động trong lĩnh vực tư vấn quản lý, đầu tư.

Ngành nghề kinh doanh của công ty gồm

- Hoạt động tư vấn quản lý (không bao gồm tư vấn pháp luật, tài chính, kế toán, kiểm toán, thuế và chứng khoán);
- Đại lý, môi giới, đầu giá (không bao gồm môi giới chứng khoán, bảo hiểm, bất động sản và môi giới hôn nhân có yếu tố nước ngoài);
- Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu: Hoạt động tư vấn đầu tư (không bao gồm tư vấn pháp luật, tài chính, kế toán, kiểm toán, thuế và chứng khoán);
- Dịch vụ hỗ trợ giáo dục: tư vấn du học.

Danh sách Công ty con kiểm soát trực tiếp

Tên đơn vị	Địa chỉ	Hoạt động sản xuất, kinh doanh chính	Tỷ lệ vốn góp thực tế	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty Cổ phần Anh Ngữ Apax	Quận Cầu Giấy, Hà Nội	Giáo dục Tiếng Anh	66,36%	66,36%
Công ty Cổ phần Phát triển Giáo dục Igarten	Quận Ba Đình, Hà Nội	Giáo dục mầm non	51,2%	51,2%
Công ty Cổ phần Trường liên cấp Firbank Australia	Quận Đống Đa, Hà Nội	Giáo dục tiểu học	51%	51%

Danh sách các công ty liên kết

Đến thời điểm 30/06/2022, Công ty chỉ đầu tư vào 01 công ty liên kết là Công ty Cổ phần Tập đoàn Hạ tầng giáo dục (Đổi tên từ Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển hạ tầng giáo dục Apax ngày 04/01/2022) có trụ sở chính tại số 12 ngách 1, ngõ 111 Nguyễn Xiển, Phường Hạ Đình, Quận Thanh Xuân, TP Hà Nội. Người đại diện pháp luật bao gồm: Nguyễn Ngọc Khánh, Nguyễn Ngọc Thủy và Nguyễn Hoàng Lương. Hoạt động kinh doanh chính của Công ty này là kiến trúc, tư vấn kỹ thuật có liên quan và kinh doanh bất động sản.

2. CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

2.1. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND)

2.2. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính riêng được lập và trình bày theo đúng quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành đang áp dụng.

2.3. Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay, các khoản đầu tư ngắn hạn và dài hạn. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại chưa có các quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

2.4. Các khoản đầu tư tài chính

Đầu tư vào công ty con

Công ty con là các công ty do Công ty kiểm soát. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động và không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con được trích lập tại thời điểm lập báo cáo tài chính khi các khoản đầu tư vào công ty con có sự suy giảm so với giá gốc thì Công ty thực hiện trích lập dự phòng như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào công ty con có cổ phiếu niêm yết trên thị trường hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc trích lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, dự phòng được trích lập với mức trích bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại công ty con và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại công ty con.
- Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty con, công ty liên kết cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí tài chính.

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác phản ánh các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập tại thời điểm lập báo cáo tài chính khi các khoản đầu tư có sự suy giảm so với giá gốc thì Công ty thực hiện trích lập dự phòng như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, dự phòng được trích lập với mức trích bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác và vốn chủ sở hữu thực có nhận với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác.
- Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí tài chính.

2.5. Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các kế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

2.6. Tài sản cố định hữu hình

2.6.1. Nguyên tắc ghi nhận tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại. Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình mua sắm bao gồm giá mua (trừ các khoản chiết khấu thương mại hoặc giảm giá), các khoản thuế và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu TSCĐ hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản khi các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn được điều kiện trên được Công ty ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ.

2.6.2. Phương pháp tính khấu hao tài sản cố định hữu hình: Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Phương tiện vận tải	10 năm
- Thiết bị dụng cụ quản lý	3 năm

2.7. Xây dựng cơ bản dở dang

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi phí xây dựng và máy móc chưa được hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong. Không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

2.8. Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các kỳ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ kế toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

2.9. Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

2.10. Vay và thuê tài chính

Các khoản vay được ghi nhận trên cơ sở các phiếu thu, chứng từ ngân hàng, các kế ước và các hợp đồng vay.

Các khoản vay được theo dõi theo từng đối tượng, kỳ hạn, nguyên tệ.

2.11. Trái phiếu phát hành

Công ty đã phát hành trái phiếu có thể được chuyển đổi thành cổ phần phổ thông của Công ty, nhưng trái phiếu phát hành không xác định được số lượng cổ phiếu tại thời điểm phát hành mà phụ thuộc vào giá thị trường của cổ phiếu tại ngày đáo hạn nên được Công ty trình bày là trái phiếu thường. Công ty phát hành trái phiếu cho mục đích vay dài hạn.

Giá trị ghi sổ của trái phiếu thường được phản ánh trên cơ sở thuần bằng trị giá trái phiếu theo mệnh giá trừ (-) Chiết khấu trái phiếu cộng (+) Phụ trội trái phiếu.

Công ty theo dõi chiết khấu và phụ trội cho từng loại trái phiếu phát hành và tình hình phân bổ từng khoản chiết khấu, phụ trội khi xác định chi phí đi vay tính vào chi phí sản xuất kinh doanh hoặc vốn hoá theo từng kỳ

2.12. Chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong kỳ. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

2.13. Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh chênh lệch giữa mệnh giá, chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu và giá phát hành cổ phiếu (kể cả các trường hợp tái phát hành cổ phiếu quỹ) và có thể là thặng dư dương (nếu giá phát hành cao hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu) hoặc thặng dư âm (nếu giá phát hành thấp hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu).

Vốn khác thuộc Vốn chủ sở hữu phản ánh số vốn kinh doanh được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh hoặc do được tặng, biếu, tài trợ, đánh giá lại tài sản (nếu được phép ghi tăng giảm Vốn đầu tư của chủ sở hữu).

Chênh lệch đánh giá lại tài sản được phản ánh trong các trường hợp: khi có quyết định của Nhà nước về đánh giá lại tài sản, khi thực hiện cổ phần hóa doanh nghiệp Nhà nước, và các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty. Việc phân phối lợi nhuận được thực hiện khi Công ty có lợi nhuận sau thuế chưa phân phối không vượt quá mức lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính hợp nhất sau khi đã loại trừ ảnh hưởng của các khoản lãi do ghi nhận từ giao dịch mua giá rẻ. Trường hợp trả cổ tức, lợi nhuận cho chủ sở hữu quá mức số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận như trường hợp giảm vốn góp. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội cổ đông/Hội đồng quản trị phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam.

2.14. Doanh thu

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

2.15. Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán phản ánh trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, bất động sản đầu tư; giá thành sản xuất của sản phẩm xây lắp (đối với doanh nghiệp xây lắp) bán trong kỳ

2.16. Chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- *Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;*
- *Chi phí đi vay vốn;*
- *Chi phí lỗ chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán;*
- *Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...*

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

2.17. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao

gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Công ty áp dụng mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 20% trên lợi nhuận chịu thuế đối với hoạt động kinh doanh thông thường.

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp của công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

2.18. Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới doanh nghiệp.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan, cần chú ý tới bản chất của mối quan hệ chứ không chỉ hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

3. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
	VND	VND
Tiền mặt tại quỹ	131,864,885	5,373,514,191
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	40,942,017,931	158,721,663
Cộng	41,073,882,816	5,532,235,854

4. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

(chi tiết phụ lục số 01)

5. PHẢI THU KHÁCH HÀNG

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
	VND	VND
a. Phải thu khách hàng ngắn hạn		
Công ty cổ phần tập đoàn hạ tầng giáo dục	15,829,840,800	-
Cộng	15,829,840,800	-

b. Phải thu khách hàng các bên liên quan

	Số cuối kỳ	Số đầu năm	
	VND	VND	
	Mỗi quan hệ		
Công ty cổ phần tập đoàn hạ tầng giáo dục	Công ty liên kết	15,829,840,800	-
Cộng		15,829,840,800	-

6. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN

a. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
	VND	VND
Công ty cổ phần tập đoàn hạ tầng giáo dục	1,727,858,163	-
Công ty cổ phần Vicad tư vấn Đầu tư và thiết kế	-	1,027,616,995
Lad Capital	571,000,000	-
Các đối tượng khác	430,500,000	1,393,083,227
Cộng	2,729,358,163	2,420,700,222

b. Trả trước cho người bán các bên liên quan

	Số cuối kỳ	Số đầu năm	
	VND	VND	
	Mỗi quan hệ		
Công ty cổ phần tập đoàn hạ tầng giáo dục	Công ty liên kết	1,727,858,163	-
Cộng		1,727,858,163	-

7. PHẢI THU VÊ CHO VAY NGẮN HẠN

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Bà Nguyễn Thị Hải	-	-	535,000,000	-
Cộng	-	-	535,000,000	-

8. PHẢI THU KHÁC

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
a. Phải thu khác ngắn hạn	76,054,100,850	-	77,314,977,157	-
Tạm ứng	-	-	8,916,318	-
Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược (*)	75,857,789,350	-	75,857,789,350	-
Các khoản Phải thu khác	196,311,500	-	1,448,271,489	-
Cộng	76,054,100,850	-	77,314,977,157	-

(*) Giá trị đặt cọc theo Thỏa thuận hợp tác số 50/2019/TTHT/TG-APAX ngày 10/06/2019 về việc nhận chuyển nhượng "Phần dự án trường học" trên khu đất thực hiện dự án: Tổ hợp công trình hỗn hợp thương mại dịch vụ, văn phòng, nhà ở, nhà trẻ và trường học của Công ty CP Terra Gold Việt Nam. Chủ đầu tư là Công ty CP Terra Gold Việt Nam tại khu đất số 423 Minh Khai, phường Vĩnh Tuy. Theo đó, thỏa thuận này được thiết lập cho mục đích ký hợp đồng chuyển nhượng "Phần dự án trường học" trên khu đất thuộc dự án trên Terra Gold sang cho Bên nhận chuyển nhượng phù hợp do Công ty CP Đầu tư Apax Holdings chỉ định. Việc thực hiện thỏa thuận được thông qua tại Nghị quyết HĐQT số 0608/2019/QĐ-HĐQT ngày 06/08/2019. Thỏa thuận sửa đổi bổ sung số 07/2021/TTSDBS/TG-APAX ngày 09/03/2021, trong vòng 03 năm kể từ ngày ký thỏa thuận hai bên sẽ thực hiện thủ tục chuyển nhượng Phần dự án trường học. Thỏa thuận bổ sung số 10/2021/TTSDBS/TG-APAX ngày 02/07/2021 bổ sung Công ty Cổ phần Đầu tư Apax Holdings còn phải thanh toán cho Công ty CP Terra Gold Việt nam giá chuyển nhượng bao gồm: Tiền thuê đất với số tiền là 5.302.789.350 đồng (*Năm tỷ ba trăm linh hai triệu bảy trăm tám mươi chín nghìn ba trăm năm mươi đồng*) và tiền sử dụng đất.

b. Phải thu khác ngắn hạn các bên liên quan

		Số cuối kỳ	Số đầu năm
		VND	VND
Công ty Cổ phần Anh ngữ Apax	Công ty con		100,000,000
Công ty cổ phần tập đoàn giáo dục Egroup	Công ty mẹ	130,950,000	-
Cộng		130,950,000	100,000,000

9. TÀI SẢN DỜ DANG DÀI HẠN

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
	VND	VND
<i>Xây dựng cơ bản dở dang</i>		
Dự án trường liên cấp	5,384,071,705	-
Cộng	5,384,071,705	-

10. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

Đơn vị tính: VND

Khoản mục	Phương tiện vận tải	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Nguyên giá TSCĐ			
Số dư đầu năm	802,350,909	336,665,306	1,139,016,215
Số tăng trong kỳ	-	32,945,455	32,945,455
- Mua trong kỳ		32,945,455	32,945,455
Số cuối kỳ	802,350,909	369,610,761	1,171,961,670
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	394,489,168	284,686,827	679,175,995
Số tăng trong kỳ	40,117,548	33,191,443	73,308,991
- Khấu hao trong kỳ	40,117,548	33,191,443	73,308,991
Số cuối kỳ	434,606,716	317,878,270	752,484,986
Giá trị còn lại			
Tại ngày đầu năm	407,861,741	51,978,479	459,840,220
Tại ngày cuối kỳ	367,744,193	51,732,491	419,476,684

- Nguyên giá TSCĐ hữu hình đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng tại 30/06/2022: 285.401.670 đồng

- Giá trị còn lại của tài sản cố định hữu hình dùng để cầm cố, thế chấp cho các khoản vay tại 30/06/2022: 0 đồng

11. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	Số cuối kỳ VND	Số đầu năm VND
a. Ngắn hạn		
- Phí bản quyền email	71,287,015	-
Cộng	71,287,015	-
b. Dài hạn		
- Chi phí môi giới trái phiếu	879,629,629	1,231,481,479
- Công cụ dụng cụ chờ phân bổ	1,178,571,621	27,329,565
- Chi phí khác	9,761,908	
Cộng	2,067,963,158	1,258,811,044

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ APAX HOLDINGS

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022

Tầng 4, tòa tháp A, tòa nhà Sky City Tower, số 88 Láng Hạ, Đống Đa, Hà Nội

12. Vay và nợ thuê tài chính

	Tại 30/06/2022		Trong kỳ		Tại 01/01/2022		Đơn vị tính: VND
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	
a) Vay ngắn hạn	27,218,373,000	27,218,373,000	61,622,273,000	42,843,000,000	8,439,100,000	8,439,100,000	
Vay ngắn hạn	26,339,590,000	26,339,590,000	60,743,490,000	42,843,000,000	8,439,100,000	8,439,100,000	
Trương Thị Tâm (2)	6,319,700,000	6,319,700,000	-	744,300,000	7,064,000,000	7,064,000,000	
Vũ Cẩm La Hương (3)	1,375,100,000	1,375,100,000	-	-	1,375,100,000	1,375,100,000	
Nguyễn Thị Hải (4)	18,644,790,000	18,644,790,000	60,743,490,000	42,098,700,000	-	-	
Nợ dài hạn đến hạn trả	878,783,000	878,783,000	878,783,000	-	-	-	
Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng (7)	878,783,000	878,783,000	878,783,000	-	-	-	
b) Vay dài hạn	711,811,280,410	711,811,280,410	1,082,592,188	928,783,000	711,657,471,222	711,657,471,222	
Trái phiếu phát hành theo mệnh giá (5)	300,000,000,000	300,000,000,000	-	-	300,000,000,000	300,000,000,000	
Trái phiếu chuyển đổi (6)	72,584,001,608	72,584,001,608	187,165,860	-	72,396,835,748	72,396,835,748	
Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng (7)	35,118,350,621	35,118,350,621	895,426,328	928,783,000	35,151,707,293	35,151,707,293	
Công ty Cổ phần Anh ngữ Apax (1)	304,108,928,181	304,108,928,181	-	-	304,108,928,181	304,108,928,181	
Cộng	739,029,653,410	739,029,653,410	62,704,865,188	43,771,783,000	720,096,571,222	720,096,571,222	

c. Vay và thuê tài chính các bên liên quan

	Mối quan hệ		Số cuối kỳ	Số đầu năm
	Công ty con	Công ty con	304,108,928,181	304,108,928,181
Công ty Cổ phần Anh ngữ Apax				

(1) Hợp đồng cho vay tiền số 31.12/2021/HĐVV/AE-AH ngày 31/12/2021 với Công ty Cổ phần Đầu tư Apax Holdings, ngày đáo hạn là 31/12/2023 với số tiền 304.108.928.181 đồng, lãi suất 8,5%/năm, mục đích vay là phục vụ hoạt động kinh doanh. Số tiền vay 304.108.928.181 đồng là bao gồm số tiền gốc cho vay và lãi cho vay của hợp đồng cho vay tiền số 31.12/2020/HĐVV/AE-AH ngày 31/12/2020 với Công ty Cổ phần Đầu tư Apax Holdings, ngày đáo hạn là 31/12/2021.

(2) Khoản vay theo Hợp đồng vay tiền số 01.01/2022/HĐVT/TTAM-APAX HOLDINGS ngày 01/01/2022 với số tiền cho vay là 6.319.700.000 đồng, thời hạn vay từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/09/2022, lãi suất là 12%/năm.

(3) Khoản vay theo Hợp đồng vay số 01.07.2021/HĐV/AH-VCLH ngày 01/07/2021 với số tiền cho vay là: 1.375.100.000 đồng, thời hạn cho vay từ 01/07/2021 đến ngày 01/07/2022, lãi suất là 7%/năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ APAX HOLDINGS

Tầng 4, tòa tháp A, tòa nhà Sky City Tower, số 88 Láng Hạ, Đống Đa, Hà Nội

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022

(4) Khoản vay theo Hợp đồng vay số 04.01.2022/HĐV/NTH-AH ngày 04/01/2022 với số tiền cho vay là: 65.000.000.000 đồng, thời hạn cho vay 9 tháng kể từ ngày giải ngân, lãi suất là 5%/năm.

(5) Theo Biên bản họp HĐQT số 1409/2020/BB-HĐQT ngày 14/09/2020, Nghị quyết hội đồng quản trị số 1709/2020/NQ-HĐQT ngày 17/09/2020 phê duyệt phương án phát hành trái phiếu riêng lẻ, Tổng giá trị trái phiếu phát hành 300 trái phiếu; Ngày phát hành ngày 01/10/2020 và ngày kết thúc đợt phát hành ngày 21/12/2020. Đây là loại trái phiếu kỳ hạn 3 năm, trả lãi 6 tháng/lần với lãi suất cố định 12,5%/năm. Theo quy định, trái chủ được quyền yêu cầu Apax Holdings mua lại tối đa 50% trái phiếu sau 12 tháng và 100% sau 24 tháng kể từ ngày phát hành. Khi đó, trái phiếu sẽ được hưởng lãi suất cố định tương ứng là 10,5%/năm và 11,5%/năm. Ngược lại, trong điều kiện Apax Holdings có nhu cầu mua lại trái phiếu trước hạn kể từ 24 tháng đến dưới 36 tháng thì lãi suất sẽ là 12,5% với tối đa 100% tổng số lượng trái phiếu mà trái chủ sở hữu tại thời điểm đề nghị mua lại.

+ Lãi suất danh nghĩa bằng VND: Trái phiếu có lãi suất cố định

+ Kỳ hạn trả lãi: Tiền lãi Trái phiếu được trả sau, định kỳ 6 tháng một lần.

Mỗi trái phiếu sẽ được tính lãi kể từ và bao gồm ngày phát hành hoặc ngày tổ chức phát hành thực tế nhận số tiền đặt mua đối với trái phiếu đó, tùy ngày nào đến sau cho đến, nhưng không bao gồm ngày thanh toán/hoàn trả gốc trái phiếu.

- Lãi suất phát hành thực tế: Trái phiếu có lãi cố định 12,5%/năm.

Đại lý quản lý tài sản đảm bảo: Công ty CP Chứng khoán An Bình.

- Hình Thức đảm bảo: Trái phiếu được đảm bảo bằng tài sản.

- Tài sản bảo đảm: Nghĩa vụ thanh toán nợ gốc, lãi Trái phiếu, lãi chậm trả Trái phiếu và các nghĩa vụ thanh toán khác của tổ chức phát hành đối với và liên quan đến trái phiếu được đảm bảo bằng tài sản tương ứng với 125% Tổng giá trị Trái phiếu lưu hành theo mệnh giá. Từ ngày phát hành cho đến ngày báo cáo kết quả phát hành, tài sản bảo đảm là 7.500.000 cổ phần Công ty CP Anh ngữ Apax thuộc sở hữu của Tổ chức phát hành và các quyền, lợi ích phát sinh từ/có liên quan đến số cổ phiếu này kể từ ngày thể chấp. Số lượng cổ phần thể chấp ban đầu có thể được điều chỉnh tùy nhiên phải đảm bảo tổng giá trị cổ phần thể chấp ban đầu sau khi kết thúc đợt phát hành không thấp hơn 125% Tổng giá trị Trái phiếu lưu hành theo mệnh giá.

(6) Ngày 21/06/2018, Công ty đã hoàn tất việc phát hành trái phiếu chuyển đổi riêng lẻ lần 1 với giá trị 207 tỷ đồng trái phiếu có kỳ hạn 5 năm và lãi suất phát hành 5%/năm theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên số 01/2018/NQ-ĐHĐCĐ ngày 09/04/2018. Trái phiếu có thể được chuyển đổi thành cổ phần phổ thông của Công ty, việc thực hiện quyền chuyển đổi sẽ thuộc về trái chủ. Trái chủ có quyền thực hiện chuyển đổi hoặc không chuyển đổi một phần hoặc toàn bộ khối lượng trái phiếu đang nắm giữ. Tại thời điểm chuyển đổi trái phiếu thành cổ phần, Công ty sẽ thực hiện phát hành cổ phần cho số trái phiếu được chuyển đổi và sẽ tăng vốn điều lệ tương ứng với số cổ phần được phát hành.

Phương thức tính giá chuyển đổi như sau: giá thực hiện chuyển đổi sẽ được xác định theo công thức sau nhưng không cao hơn giá tham khảo và không thấp hơn giá điều chỉnh:

• Giá tham khảo: giá bình quân của: 1 tháng giao dịch + 1 tuần giao dịch (được xác định trước bằng văn bản) chia cho 3;

• Giá điều chỉnh: 70% của giá tham khảo;

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ APAX HOLDINGS

Tầng 4, tòa tháp A, tòa nhà Sky City Tower, số 88 Láng Hạ, Đống Đa, Hà Nội

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022

Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định mức giá chuyển đổi cụ thể tại thời điểm chuyển đổi theo tiêu chí giá tham khảo và giá điều chỉnh như đã nêu trên.

Do trái phiếu phát hành không xác định được số lượng cổ phiếu tại thời điểm phát hành mà phụ thuộc vào giá thị trường của cổ phiếu tại ngày đáo hạn nên được Công ty trình bày là trái phiếu thường.

Tổng số tiền thu được từ đợt phát hành trái phiếu chuyển đổi sẽ được sử dụng như sau:

- Giải ngân số tiền 188.785.840.000 đồng để mua 18.878.584 cổ phiếu Apax English, nâng tổng số cổ phiếu Công ty sở hữu tại Apax English lên 42.169.384 cổ phiếu;
- Bổ sung nguồn vốn lưu động cho các hoạt động của Công ty Cổ phần Đầu tư Apax Holdings số tiền: 18.214.160.000 đồng.

Chi phí phát hành trái phiếu là 2.170.000.000 đồng, chi phí này được phân bổ đều vào chi phí hàng năm với thời hạn 05 năm.

Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên số 01/2018/NQ-DHDCD ngày 09 tháng 04 năm 2018 thông qua phương án Phát hành trái phiếu chuyển đổi riêng lẻ năm 2018; Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông bất thường lần thứ 1 năm 2019 số 0609/2019/NQ-DHDCD ngày 06 tháng 09 năm 2019 thông qua việc thay đổi cách tính giá chuyển đổi trái phiếu chuyển đổi; Nghị quyết số 210/2019/QĐ-HDQT ngày 02 tháng 10 năm 2019 về việc phê duyệt chuyển đổi trái phiếu chuyển đổi sang cổ phiếu cho trái chủ, đã thông qua phương án chuyển đổi trái phiếu chuyển đổi sang cổ phiếu cho trái chủ như sau:

Tổng khối lượng trái phiếu đã chuyển đổi:	103 trái phiếu
Tổng giá trị trái phiếu đã chuyển đổi:	103.000.000.000 đồng (theo mệnh giá)
Tỷ lệ chuyển đổi:	1: 49.835,54 (Một trái phiếu được chuyển đổi thành 49.835,54 cổ phiếu). Nguyên tắc làm tròn số cổ phiếu được chuyển đổi; theo nguyên tắc làm tròn xuống. Cổ phiếu là phát sinh do làm tròn xuống sẽ bị hủy.
Ngày chuyển đổi:	10/2/2019
Ngày chốt danh sách trái chủ để chuyển đổi:	9/27/2019
Ngày chốt danh sách để trả lãi trái phiếu (gần nhất):	9/11/2019
Số lượng cổ phiếu đã được chuyển đổi:	5.133.059 cổ phiếu
Chuyển đổi 103 trái phiếu (giá trị trái phiếu là 103 tỷ đồng) thành 5.133.059 cổ phiếu với giá chuyển đổi 20.066 đồng. Tại ngày 11/10/2019, Công ty đã được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận kết quả chuyển đổi trái phiếu chuyển đổi riêng lẻ thành cổ phiếu theo văn bản số 6152/UBCK-QLCB.	
Theo nghị quyết Hội đồng quản trị số 1908/2021/NQ-HDQT ngày 19/08/2021, Công ty tiếp tục chuyển đổi trái phiếu như sau:	
Tổng khối lượng trái phiếu đã chuyển đổi:	31 trái phiếu
Tổng giá trị trái phiếu đã chuyển đổi:	31.000.000.000 đồng (theo mệnh giá)
Tỷ lệ chuyển đổi:	1: 50.352,47 (Một trái phiếu được chuyển đổi thành 50.352,47 cổ phiếu). Nguyên tắc làm tròn số cổ phiếu được chuyển đổi; theo nguyên tắc làm tròn xuống. Cổ phiếu là phát sinh do làm tròn xuống sẽ bị hủy.
Ngày chuyển đổi:	8/19/2021
Ngày chốt danh sách trái chủ để chuyển đổi:	8/17/2021
Ngày chốt danh sách để trả lãi trái phiếu (gần nhất):	6/11/2021
Số lượng cổ phiếu đã được chuyển đổi:	1.560.926 cổ phiếu

13. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

a. Phải trả người bán ngắn hạn

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
Công ty cổ phần Tập đoàn đầu tư Ecapital		-	13,550,516,100	13,550,516,100
Công ty cổ phần đầu tư Eduland	409,638,800	409,638,800	367,327,200	367,327,200
Công ty TNHH Kiến tạo và kiệt tác	598,569,086	598,569,086	-	-
Công ty TNHH KPMG	1,384,748,200	1,384,748,200	1,384,748,200	1,384,748,200
Các đối tượng khác	856,688,338	856,688,338	475,190,994	475,190,994
Cộng	3,249,644,424	3,249,644,424	15,777,782,494	15,777,782,494

b. Phải trả người bán ngắn hạn các bên liên quan

		Số cuối kỳ	Số đầu năm
		VND	VND
Công ty cổ phần Tập đoàn đầu tư Ecapital	Cùng đại diện pháp luật		13,550,516,100

14. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
	VND	VND
Công ty Cổ phần Hồng Hạc Đại Lợi		50,000,000
Cộng	-	50,000,000

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ APAX HOLDINGS

Tầng 4, tòa tháp A, tòa nhà Sky City Tower, số 88 Láng Hạ, Đống Đa, Hà Nội

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022

15. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỢP NHÀ NƯỚC

Chi tiêu	Số phải thu đầu năm	Số phải nộp đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Số còn phải thu cuối năm	Số còn phải nộp cuối năm
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Thuế Giá trị gia tăng	-	1,024,746,939	1,929,252,542	2,296,900,655	-	657,098,826
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	-	41,102,832,862	7,720,458,260	11,660,403,445	-	37,162,887,677
Thuế Thu nhập cá nhân	-	986,550,186	3,269,676,757	1,937,373,823	-	2,318,853,120
Thuế nhà thầu	-	-	108,025,604	169,712,585	61,686,981	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	211,069,929	102,639,431	313,709,360	-	-
Cộng	-	43,325,199,916	13,130,052,594	16,378,099,868	61,686,981	40,138,839,623

16. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
	VND	VND
Chi phí lãi vay	22,709,221,188	10,080,909,739
Các chi phí phải trả khác	4,526,868,726	1,999,863,711
Cộng	27,236,089,914	12,080,773,450

b. Chi phí phải trả ngắn hạn các bên liên quan

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
	VND	VND
Công ty Cổ phần Anh ngữ Apax	12,355,323,199	463,076,419
Công ty cổ phần tập đoàn hạ tầng giáo dục	3,992,868,726	-
Ông Nguyễn Ngọc Thủy	-	596,054,794

17. PHẢI TRẢ KHÁC

a. Phải trả khác ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	154,734,200	94,666,200
Bảo hiểm xã hội	71,910,894	-
Phải trả khác	5,298,108,751	1,210,381,500
Cộng	5,524,753,845	1,305,047,700

b. Phải trả khác ngắn hạn các bên liên quan

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
	VND	VND
Công ty Cổ phần Anh ngữ Apax	5,298,108,751	-
Công ty Cổ phần Tập đoàn Giáo dục Egroup	-	1,210,381,500

18. VỐN CHỦ SỞ HỮU

a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối (đã điều chỉnh lại)	Cộng
Số dư đầu năm trước	815,897,350,000	-	190,312,674,005	1,006,210,024,005
Lãi trong năm	-	-	162,543,053,925	162,543,053,925
Tăng vốn trong kỳ	15,609,260,000	15,335,740,000	-	30,945,000,000
Số dư đầu năm nay	831,506,610,000	15,335,740,000	352,855,727,930	1,199,698,077,930
Lãi trong kỳ	-	-	30,773,146,303	30,773,146,303
Số cuối kỳ	831,506,610,000	15,335,740,000	383,628,874,233	1,230,471,224,233

b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	Số cuối kỳ	Tỷ lệ	Số đầu năm	Tỷ lệ
	VND	%	VND	%
- Công ty CP Tập đoàn Giáo dục Egroup	496,899,990,000	59.76%	496,899,990,000	59.76%
- Ông Nguyễn Ngọc Thủy	66,939,760,000	8.05%	66,939,760,000	8.05%
- Các cổ đông khác	267,666,860,000	32.19%	267,666,860,000	32.19%
	831,506,610,000	100%	831,506,610,000	100%

c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu

	Năm nay VND	Năm trước VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
- Vốn góp đầu năm	831,506,610,000	815,897,350,000
- Vốn góp tăng trong kỳ	-	15,609,260,000
- Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
- Vốn góp cuối kỳ	831,506,610,000	831,506,610,000

d. Cổ phiếu

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	83,150,661	83,150,661
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	83,150,661	83,150,661
- Cổ phiếu phổ thông	83,150,661	83,150,661
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	83,150,661	83,150,661
- Cổ phiếu phổ thông	83,150,661	83,150,661

* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/CP

19. TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	29,884,556,296	2,731,077,273
Cộng	29,884,556,296	2,731,077,273

21. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
- Giá vốn cung cấp dịch vụ	19,170,515,316	910,338,632
Cộng	19,170,515,316	910,338,632

22. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
- Lãi tiền gửi, cho vay	1,547,591	64,865
- Lãi khoản đặt cọc với ông Nguyễn Ngọc Thủy	-	13,335,821,653
- Doanh thu nhượng quyền mua cổ phần	-	75,000,000,000
- Doanh thu từ bán quyền mua cổ phần (*)	15,120,000,000	-
- Lãi chuyển nhượng cổ phần (**)	39,300,000,000	-
Cộng	54,421,547,591	88,335,886,518

(*) Hợp đồng chuyển nhượng quyền mua cổ phần số: 2502/2022/HĐCNQM/APAX-NNT ngày 25/02/2022 giữa Công ty cổ phần đầu tư Apex Holdings và Ông Nguyễn Ngọc Thủy. Theo đó số lượng quyền mua cổ phần được chuyển nhượng: 1.890.000 quyền mua. Giá chuyển nhượng quyền mua cổ phần: 8.000 đồng/ 1 quyền mua.

(**) Lãi khoản đầu tư do bán 1.200.000 cổ phần của công ty cổ phần Tập đoàn Hạ tầng giáo dục theo Hợp đồng chuyển nhượng cổ phần số: 01/2022/HĐCN-ECAP với Công ty cổ phần quản lý quỹ đầu tư FPT và lãi do thanh lý 2.550.000 cổ phần của công ty cổ phần English now global theo hợp đồng chuyển nhượng cổ phần số: 02/2022/HĐCN-ENG với Công ty cổ phần quản lý quỹ đầu tư FPT.

23. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Kỳ này	Kỳ trước
	VND	VND
- Lãi tiền vay	13,294,386,659	32,239,605,257
- Lãi phát hành trái phiếu	20,641,521,290	2,623,179,524
- Chi phí phát hành trái phiếu	187,165,860	192,357,488
- Chi phí môi giới trái phiếu	-	608,579,125
- Dự phòng/ Hoàn nhập dự phòng giảm giá các khoản đầu tư	(16,423,100,934)	7,318,348,647
- Lãi chậm thanh toán	-	106,694,795
Cộng	17,699,972,875	43,088,764,836

24. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Kỳ này	Kỳ trước
	VND	VND
- Chi phí nguyên, vật liệu, CCDC	113,600,555	23,567,177
- Chi phí nhân công	1,727,092,716	990,892,421
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	73,308,991	92,810,850
- Thuế, phí, lệ phí	5,059,455	3,000,000
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	6,770,799,860	2,694,710,606
- Chi phí khác bằng tiền	153,595,320	43,984,330
Cộng	8,843,456,897	3,848,965,384

25. THU NHẬP KHÁC

	Kỳ này	Kỳ trước
	VND	VND
- Thu nhập khác	10,132,500	-
Cộng	10,132,500	-

26. CHI PHÍ KHÁC

	Kỳ này	Kỳ trước
	VND	VND
- Tiền phạt thuế và lãi chậm nộp bảo hiểm	105,366,125	350,168,154
- Chi phí khác	3,320,611	838,998,182
Cộng	108,686,736	1,189,166,336

27. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Kỳ này	Kỳ trước
	VND	VND
<i>Thuế TNDN từ hoạt động kinh doanh chính</i>		
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế TNDN	38,493,604,563	42,029,728,603
Các khoản điều chỉnh tăng	108,686,736	3,264,483,383
<i>Chi phí không được trừ khi tính thuế TNDN</i>	<i>108,686,736</i>	<i>3,264,483,383</i>
Thu nhập chịu thuế TNDN	38,602,291,299	45,294,211,986
Chi phí thuế TNDN hiện hành (thuế suất 20%)	7,720,458,260	9,058,842,397

28. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
- Chi phí nguyên, vật liệu, CCDC	113,600,555	
- Chi phí nhân công	20,897,608,032	1,901,231,053
- Chi phí khấu hao	73,308,991	92,810,850
- Thuế, phí, lệ phí	5,059,455	-
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	6,770,799,860	2,694,710,606
- Chi phí khác bằng tiền	153,595,320	70,551,507
Cộng	28,013,972,213	4,759,304,016

29. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Các loại công cụ tài chính của Công ty bao gồm:

Tài sản tài chính	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	41,073,882,816	-	5,532,235,854	-
Phải thu khách hàng, phải thu khác	91,883,941,650	-	77,314,977,157	-
Các khoản cho vay	-	-	649,000,000	-
	132,957,824,466	-	83,496,213,011	-

Nợ phải trả tài chính	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	VND	VND	VND	VND
Vay và nợ			739,029,653,410	720,096,571,222
Phải trả người bán, phải trả khác			8,774,398,269	17,082,830,194
Chi phí phải trả			27,236,089,914	12,080,773,450
			775,040,141,593	749,260,174,866

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc kỳ kế toán do Thông tư 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, ngoại trừ các khoản trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi và dự phòng giảm giá các khoản đầu tư chứng khoán đã được nêu chi tiết tại các Thuyết minh liên quan.

Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về giá, tỷ giá hối đoái và lãi suất.

Rủi ro về giá

Công ty chịu rủi ro về giá của các công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư cổ phiếu ngắn hạn và dài hạn do tính không chắc chắn về giá tương lai của cổ phiếu đầu tư. Các khoản đầu tư cổ phiếu dài hạn được nắm giữ với mục đích chiến lược lâu dài, tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán Công ty chưa có kế hoạch bán các khoản đầu tư này.

Rủi ro về tỷ giá hối đoái

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ khi các khoản vay, doanh thu và chi phí của Công ty được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam.

Rủi ro về lãi suất

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Tổng
	VND	VND	VND	VND
Số cuối kỳ				
Tiền và các khoản tương đương tiền	41,073,882,816	-	-	41,073,882,816
Phải thu khách hàng, phải thu khác	91,883,941,650	-	-	91,883,941,650
Cộng	132,957,824,466	-	-	132,957,824,466
Số đầu năm				
Tiền và các khoản tương đương tiền	5,532,235,854	-	-	5,532,235,854
Phải thu khách hàng, phải thu khác	77,314,977,157	-	-	77,314,977,157
Các khoản cho vay	535,000,000	649,000,000	-	1,184,000,000
Cộng	83,382,213,011	649,000,000	-	84,031,213,011

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Tổng
	VND	VND	VND	VND
Số cuối kỳ				
Vay và nợ	27,218,373,000	711,811,280,410	-	739,029,653,410
Phải trả người bán, phải trả khác	8,774,398,269	-	-	8,774,398,269
Chi phí phải trả	27,236,089,914	-	-	27,236,089,914
Cộng	63,228,861,183	711,811,280,410	-	775,040,141,593
Số đầu năm				
Vay và nợ	8,439,100,000	711,657,471,222	-	720,096,571,222
Phải trả người bán, phải trả khác	17,082,830,194	-	-	17,082,830,194
Chi phí phải trả	12,080,773,450	-	-	12,080,773,450
Cộng	37,602,703,644	711,657,471,222	-	749,260,174,866

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là có thể kiểm soát được. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đảo hạn.

30. NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính này

31. BÁO CÁO BỘ PHẬN

Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý (Phân loại hoạt động trong nước và ngoài nước)

Công ty chỉ hoạt động trong khu vực địa lý Việt Nam

Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Các bộ phận kinh doanh chính của Công ty như sau:

Chỉ tiêu	Doanh thu cung cấp dịch vụ	Đơn vị tính: VND
		Tổng
Doanh thu thuần ra bên ngoài	29,884,556,296	29,884,556,296
Chi phí bộ phận	19,170,515,316	19,170,515,316
Kết quả kinh doanh bộ phận	10,714,040,980	10,714,040,980
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận		8,843,456,897
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh		1,870,584,083
Doanh thu hoạt động tài chính		54,421,547,591
Chi phí tài chính		17,699,972,875
Thu nhập khác		10,132,500
Chi phí khác		108,686,736
Thuế TNDN hiện hành		7,720,458,260
Lợi nhuận sau thuế		30,773,146,303

32. NGHIỆP VỤ VÀ CÁC SỐ DƯ BÊN LIÊN QUAN

a. Thông tin các bên liên quan

Bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty cổ phần tập đoàn hạ tầng giáo dục	Công ty liên kết
Công ty CP Tập đoàn Giáo dục Egroup	Công ty mẹ
Công ty cổ phần Anh ngữ Apax	Công ty con
Ông Nguyễn Ngọc Thủy	Chủ tịch HĐQT

b. Giao dịch với bên liên quan

32. NGHIỆP VỤ VÀ CÁC SỐ DƯ BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Công ty có các giao dịch trọng yếu phát sinh trong năm với các bên liên quan như sau:

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Vay		
Công ty cổ phần Anh ngữ Apax	-	330,000,000
Lãi đặt cọc chuyển nhượng cổ phần		
Ông Nguyễn Ngọc Thủy	-	13,335,821,653
Lãi vay phát sinh		
Công ty cổ phần Anh ngữ Apax	12,818,399,618	12,731,551,373
Bán hàng và cung cấp dịch vụ		
Công ty cổ phần tập đoàn hạ tầng giáo dục	29,657,260,000	-
Chi phí thuê văn phòng		
Công ty cổ phần tập đoàn hạ tầng giáo dục	3,992,868,726	-
Chi trả hộ lương		
Công ty cổ phần Anh ngữ Apax	363,076,419	-
Công ty CP Tập đoàn Giáo dục Egroup	130,950,000	-
Chuyển nhượng quyền mua cổ phần		
Ông Nguyễn Ngọc Thủy	15,120,000,000	-
Nhận chi trả hộ lương		
Công ty cổ phần Anh ngữ Apax	5,298,108,751	-

* Thu nhập, thù lao hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc, Ban Kiểm soát trong năm Đơn vị tính: VND

Họ và tên	Chức vụ	Thu nhập từ tiền lương	Thù lao	Tổng
Ông Nguyễn Ngọc Thủy	Chủ tịch HĐQT	-	180,000,000	180,000,000
Ông Nguyễn Ngọc Khánh	Thành viên HĐQT	-	90,000,000	90,000,000
Ông Nguyễn Minh Chính	Thành viên HĐQT	-	30,000,000	30,000,000
Ông Quách Mạnh Hào	Thành viên HĐQT	-	30,000,000	30,000,000
Ông Nguyễn Trọng Quỳnh	Thành viên HĐQT	-	30,000,000	30,000,000
Bà Phạm Thị Thanh Thọ	Trưởng BKS	-	12,000,000	12,000,000
Bà Nguyễn Thị Thanh Huyền	Thành viên BKS	-	6,000,000	6,000,000
Bà Trần Thị Mỹ Nga	Thành viên BKS	-	6,000,000	6,000,000
Ông Nguyễn Hoàng Lương	Giám đốc tài chính	828,034,200	-	828,034,200
Tổng		828,034,200	384,000,000	1,212,034,200

Ngoài các thuyết minh với các bên liên quan đã thuyết minh ở các phần trên, Ban Tổng Giám đốc cam kết không phát sinh giao dịch với các bên liên quan khác.

33. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh trên Bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ và thuyết minh tương ứng là số liệu trên Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và định giá Việt Nam. Số liệu so sánh trên Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh riêng giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ và các thuyết minh tương ứng là số liệu trên Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2021 đến 30/06/2021 đã được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán và định giá Việt Nam.

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Hà Nội, ngày 01 tháng 08 năm 2022.

Chủ tịch Hội đồng quản trị

Nguyễn Thị Hải

Nguyễn Mạnh Phú

Nguyễn Ngọc Thủy

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ APAX HOLDINGS

Tầng 4, tòa tháp A, tòa nhà Sky City Tower, số 88 Láng Hạ, Đống Đa, Hà Nội

Phụ lục số 01

4. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNHThuyết minh báo cáo tài chính riêng
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022

Dải hạn	Số cuối kỳ			Số đầu năm			Đơn vị tính: VND
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	
Đầu tư vào công ty con	1,728,810,760,000	(1,602,783,699)	-	1,734,082,260,000	(18,025,884,633)	-	
Công ty Cổ phần Anh ngữ Apax (1)	1,381,543,760,000	-	(*)	1,381,543,760,000	-	(*)	
Công ty Cổ phần Phát triển Giáo dục Igarten (2)	256,000,000,000	-	(*)	236,100,000,000	-	(*)	
Công ty Cổ phần English Now Global	-	-	-	25,500,000,000	(17,336,116,849)	(*)	
Công ty Cổ phần Trường liên cấp Firbank Australia (3)	91,267,000,000	(1,602,783,699)	(*)	90,938,500,000	(689,767,784)	(*)	
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	178,000,000,000	-	-	190,000,000,000	-	-	
Công ty Cổ phần Tập đoàn Hạ tầng Giáo dục (4)	178,000,000,000	-	(*)	190,000,000,000	-	(*)	
Đầu tư vào đơn vị khác	239,100,000	(125,100,000)	(*)	239,100,000	(125,100,000)	(*)	
Công ty Cổ phần Xi măng X18	125,100,000	(125,100,000)	(*)	125,100,000	(125,100,000)	(*)	
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây lắp Tây Hồ	114,000,000	-	(*)	114,000,000	-	(*)	
Cộng	1,907,049,860,000	(1,727,883,699)	-	1,924,321,360,000	(18,150,984,633)	-	

Tóm tắt tình hình hoạt động của các công ty con, công ty liên doanh, liên kết trong kỳ

(1) Công ty Cổ phần Anh ngữ Apax tập trung chủ yếu là hoạt động đào tạo tiếng Anh tại các trung tâm Anh ngữ Apax trên toàn quốc.

(2) Công ty Cổ phần Phát triển Giáo dục Igarten tập trung chủ yếu là hoạt động giáo dục mầm non tại các trường mầm non.

(3) Công ty Cổ phần Trường Liên cấp Firbank Australia tập trung chủ yếu là hoạt động xây dựng cơ bản để thành lập trường, hoạt động kinh doanh của công ty con chưa phát sinh doanh thu. Trong năm, Công ty tiếp tục góp bổ sung một phần vốn góp vào Công ty Cổ phần Trường liên cấp Firbank Australia theo cam kết góp vốn khi thành lập Công ty con này từ năm 2019. Tại thời điểm kết thúc kỳ hoạt động, Công ty Cổ phần Trường liên cấp Firbank Australia vẫn chưa được góp đủ vốn điều lệ.

(4) Công ty Cổ phần Tập đoàn Hạ tầng Giáo dục tập trung chủ yếu là hoạt động kiến trúc, tư vấn kỹ thuật có liên quan và kinh doanh bất động sản.

(*) Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của công cụ tài chính này để thuyết minh trong báo cáo tài chính vì không có giá niêm yết trên thị trường cho công cụ tài chính này và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của Công cụ tài chính này có thể khác với giá trị ghi số.